

Số : 766 /TB-SYT

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức sự nghiệp Y tế năm 2020

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, Công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ Ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2020; Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 08/7/2021; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2020,

Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thông báo việc tuyển dụng viên chức ngành Y tế, như sau:

I. Chỉ tiêu tuyển dụng, điều kiện người đăng ký dự tuyển, ưu tiên trong tuyển dụng, phương thức tuyển dụng.

1. Số lượng chỉ tiêu tuyển dụng: 355 chỉ tiêu.

(Chi tiết từng đơn vị tuyển dụng theo kèm theo)

2. Điều kiện người đăng ký dự tuyển:

Người dự tuyển vào làm viên chức y tế phải có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đủ điều kiện quy định tại Điều 22, Luật Viên chức.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ.

4. Phương thức tuyển dụng:

4.1. Xét tuyển:

4.1.1. Đối tượng xét tuyển:

- Những người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh đã tốt nghiệp, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Những người thuộc đối tượng chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn đúng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

- Những người thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

4.1.2. Nội dung và hình thức xét tuyển:

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; cụ thể việc xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng.

a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

b) Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Thời gian phỏng vấn: 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh dự tuyển có không quá 15 phút chuẩn bị). Thang điểm: 100 điểm.

4.1.3. Xác định người trúng tuyển:

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ

4.2. Thi tuyển:

4.2.1. Đối tượng thi tuyển:

Thi tuyển đối với các trường hợp đủ điều kiện dự tuyển viên chức theo quy định bao gồm cả các trường hợp đã dự xét tuyển nhưng không đạt, (trừ vị trí việc làm đã hết chỉ tiêu tuyển dụng do người dự xét tuyển đã trúng tuyển).

4.2.2. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; cụ thể Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi:

a) Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung.

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi gồm 02 phần:

+ Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng. Thời gian thi 60 phút.

+ Phần II: Ngoại ngữ (tiếng Anh), 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

Người dự tuyển không phải thi phần tin học do tổ chức thi trắc nghiệm trên máy vi tính theo quy định. Không phúc khảo kết quả đối với bài thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngoại ngữ cũng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số dự

tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được dự tuyển tiếp vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Hình thức thi: Thi viết;

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi: 180 phút; thang điểm 100 điểm.

4.2.3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức:

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

II. Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ dự tuyển.

1. Hồ sơ dự tuyển:

Mỗi thí sinh dự tuyển chỉ được nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp theo quy định (Hồ sơ do Sở Y tế phát hành thí sinh mua tại Văn phòng Sở Y tế), hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ)

- Văn bản, hợp đồng lao động, giấy tờ chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Văn bản, giấy tờ chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

- 05 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại của thí sinh dự thi hoặc người nhận thay.

Hồ sơ dự tuyển phải có đủ các thành phần nêu trên. Hồ sơ không đủ các thành phần nêu trên hoặc nộp hồ sơ dự tuyển vào các vị trí dự tuyển khác nhau tại một cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng là hồ sơ không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển.

2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

- **Thời gian nhận hồ sơ:** 30 ngày kể từ ngày 16/8/2021 đến hết ngày 14/9/2021 trong giờ hành chính của các ngày làm việc.

- **Địa điểm nhận hồ sơ:** Tại Văn phòng Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

3. Lệ phí dự tuyển:

Thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, nộp phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Sở Y tế thông báo để các đối tượng có đủ điều kiện đăng ký dự tuyển.

Thông báo này được niêm yết công khai tại Sở Y tế; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử Sở Y tế, Báo Tuyên Quang.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Sở TT và TT;
- Lãnh đạo SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, VP, Giang.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Hưng

BIỂU KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2020*(Kèm theo Thông báo số 766/SYT-VP ngày 12/8/2021 của Sở Y tế)*

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| | TỔNG CỘNG | 355 | | | | |
| 1 | Bệnh viện Phổi | 17 | | | | |
| | | 2 | Bác sỹ hạng III | V08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | Dược sỹ hạng III | V08.08.22 | Dược sỹ đại học trở lên | |
| | | 9 | Điều dưỡng hạng III | V08.05.12 | Đại học trở lên ngành Điều dưỡng | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 1 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | V.05.02.07 | Đại học trở lên ngành Công nghệ thông tin | |
| | | 1 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 2 | Kỹ thuật y hạng III | V08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| 2 | Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm | 11 | | | | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 3 | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 2 | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 1 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|---|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| 7 | Trung tâm Giám định Y khoa | 1 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| | | 5 | | | | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | Văn thư trung cấp | 02.008 | Trung cấp trở lên, ngành Văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | |
| 5 | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm | 6 | | | | |
| | | 6 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| 4 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | 35 | | | | |
| | | 16 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 8 | Bác sỹ Y học dự phòng hạng III | V.08.02.06 | Bác sỹ đa khoa hoặc Bác sỹ chuyên ngành Y học dự phòng trở lên | |
| | | 2 | Kỹ sư môi trường hạng III | V.05.02.07 | Kỹ sư trở lên, ngành Hóa thực phẩm | |
| | | 1 | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 1 | | | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |
| | | 7 | Y tế công cộng hạng III | V08.04.10 | Đại học trở lên, ngành Y tế công cộng hoặc Bác sỹ trở lên chuyên ngành Y học dự phòng | |
| 3 | Bệnh viện PHCN Hương Sen | 15 | | | | |
| | | 2 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sĩ đa khoa trở lên | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|---|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| | | 2 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| | | 2 | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu | |
| | | 8 | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu | |
| | | 1 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| 6 | Trung tâm Pháp Y | 5 | | | | |
| | | 5 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| 10 | Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Hoa huyện Na Hang | 05 | | | | |
| | | 1 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 01 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 01 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 01 | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 01 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | V.05.02.07 | Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin | |
| 9 | Bệnh viện đa khoa khu vực ATK huyện Yên Sơn | 13 | | | | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | | | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 2 | Điều dưỡng (hạng III) | V.08.05.12 | Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|--------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| | | 2 | Điều dưỡng (hạng IV) | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 1 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Kế toán viên trung cấp | 06.032 | Cao đẳng trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |
| | | 1 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | V.05.02.07 | Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin | |
| 8 | Bệnh viện ĐKKV Kim Xuyên | 15 | | | | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | | | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 5 | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng | |
| | | 1 | Hộ sinh hạng III | V.08.06.15 | Đại học trở lên, ngành Hộ sinh | |
| | | 1 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | V.05.02.07 | Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 1 | Văn thư trung cấp | 02.008 | Trung cấp trở lên, ngành Văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| 14 | Trung tâm Y tế huyện Na Hang | 43 | | | | |
| | | 9 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 2 | | | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 1 | Dược hạng III | V.08.22.22 | Đại học Dược trở lên | |
| | | 13 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 8 | Y sỹ hạng IV | V.08.03.07 | Tốt nghiệp Y sỹ trình độ trung cấp | |
| | | 2 | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học | |
| | | 2 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 2 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 2 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | V.05.02.07 | Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin | |
| | | 1 | Văn thư trung cấp | 02.008 | Trung cấp trở lên, ngành Văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | |
| | | 13 | Trung tâm Y tế huyện Lâm Bình | 14 | | |
| 5 | Bác sỹ hạng III | | | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| 1 | Dược sỹ hạng III | | | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| 1 | Kỹ thuật y hạng IV | | | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| 1 | | | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |
| 1 | Công nghệ thông tin (Kỹ sư hạng III) | | | V.05.02.07 | Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| | | 1 | Chuyên viên tổ chức nhân sự | 01.003 | Đại học trở lên | |
| | | 1 | Văn thư trung cấp | 02.008 | Trung cấp trở lên, ngành Văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | |
| | | 3 | Y sỹ hạng IV | V.08.03.07 | Tốt nghiệp Y sỹ trình độ trung cấp | |
| 12 | Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa | 32 | | | | |
| | | 16 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sĩ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 2 | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 1 | | | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 2 | Kỹ thuật Y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 2 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 1 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học | |
| | | 4 | Y sỹ hạng IV | V.08.03.07 | Tốt nghiệp Y sỹ trình độ trung cấp | |
| | | 1 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| 16 | Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên | 43 | | | | |
| | | 30 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sĩ đa khoa trở lên | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| | | 4 | | | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 2 | Bác sỹ y học dự phòng hạng III | V.08.02.05 | Bác sỹ đa khoa hoặc Bác sỹ chuyên ngành Y học dự phòng trở lên | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng | |
| | | 2 | Kế toán viên | 06.031 | Đại học trở lên, một trong các ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính | |
| | | 1 | Kỹ thuật Y hạng III | V08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 1 | Y tế công cộng hạng III | V08.04.10 | Đại học trở lên, chuyên ngành Y tế công cộng hoặc Bác sỹ trở lên chuyên ngành Y học dự phòng | |
| | | 1 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 1 | Văn thư trung cấp | 02.008 | Trung cấp trở lên, ngành Văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | |
| 11 | Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn | 56 | | | | |
| | | 22 | | | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 1 | | | Bác sỹ răng hàm mặt trở lên | |
| | | 1 | | | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |
| | | 5 | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 7 | | | Đại học trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học | |
| | | 10 | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | Đại học trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng | |
| | | 5 | Hộ sinh hạng III | V.08.06.15 | Đại học trở lên, chuyên ngành Hộ sinh | |
| | | 1 | Chuyên viên tổ chức nhân sự | 01.003 | Đại học trở lên | |

| TT | Tên đơn vị | Chỉ tiêu tuyển dụng | Vị trí việc làm chức danh cần tuyển dụng | Mã số chức danh nghề nghiệp | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--|---------|
| 15 | Trung tâm y tế huyện Sơn Dương | 33 | | | | |
| | | 1 | Chuyên viên tổ chức nhân sự | 01.003 | Đại học trở lên | |
| | | 10 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 1 | | | Bác sỹ Y học cổ truyền trở lên | |
| | | 1 | | | Bác sỹ Răng hàm mặt trở lên | |
| | | 2 | Bác sỹ Y học dự phòng hạng III | V.08.02.05 | Bác sỹ đa khoa hoặc bác sỹ chuyên ngành y học dự phòng trở lên | |
| | | 11 | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | Cao đẳng trở lên, chuyên ngành Điều dưỡng. Trường hợp tốt nghiệp Hộ sinh hoặc Y sỹ thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng theo quy định của Bộ Y tế | |
| | | 2 | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | |
| | | 1 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng | |
| | | 2 | | | Cao đẳng trở lên ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học | |
| | | 1 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |
| 1 | Dược hạng IV | V.08.08.23 | Cao đẳng Dược trở lên | | | |
| 17 | Trung tâm Y tế thành phố Tuyên Quang | 7 | | | | |
| | | 4 | Bác sỹ hạng III | V.08.01.03 | Bác sỹ đa khoa trở lên | |
| | | 2 | Hộ sinh hạng III | V.08.06.15 | Đại học trở lên, chuyên ngành Hộ sinh | |
| | | 1 | Dược sỹ hạng III | V.08.08.22 | Đại học Dược trở lên | |